TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2018
V/v ly hôn giữa bà Tr và ông Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Ông Lương Trường Khánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Huyền Tr, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Phường 12, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền Tr trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu Đ quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông Đ không còn chung sống với nhau từ năm 1996 cho đến nay. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Như H, sinh ngày 17/5/1994 (đã thành niên).

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Đ tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 1, diện tích 400m^2 và căn nhà tọa lạc trên đất tại Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Khi ly hôn, bà và ông Đ tự thỏa thuận bên ngoài về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Tr về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung. Cùng ngày, ông Nguyễn Hữu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Tr giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Thị Huyền Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ, cư trú tại: Phường 12, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tr và ông Đ có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không tổ chức cưới hỏi, không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, bà Tr và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà Tr nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Đ, căn cứ Khoản 2 Điều 53, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Đỗ Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Hữu Đ là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Như H, sinh ngày 17/5/1994, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Đỗ Thị Huyền Tr và ông Nguyễn Hữu Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Như H, sinh ngày 17/5/1994, đã thành niên nên không đề cập.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Tr đã nộp theo biên lai thu số 0002136 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng